

MUA

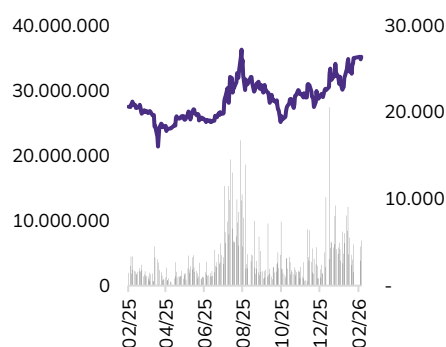
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Đa ngành
Ngày báo cáo	: 12/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 26.700
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 30.700
Tỷ lệ tăng (%)	: +15,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 10.981
SLCPLH (CP)	: 411.285.343

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-0,1%	96,5%
Tăng trưởng LNST (%)	106,3%	706,3%
Biên LNG (%)	23,6%	21,3%
Biên LNST (%)	2,7%	11,0%
ROA (%)	0,3%	2,2%
ROE (%)	1,2%	8,5%
Nợ vay/VCSH (lần)	1,40	1,32
EPS (VND/CP)	191	1.342
BVPS (VND/CP)	15.452	15.852

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Backlog mảng xây lắp lớn hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh thủy văn và giá quặng biến động

- KQKD Q4/2025 tăng trưởng ấn tượng nhờ mảng xây lắp bứt phá & ghi nhận chuyển nhượng bất động sản (BĐS). KQKD cả năm 2025 lên cao nhất 10 năm:
- Doanh thu thuần (DTT) của PC1 đạt 5.012 tỷ đồng (+96,5% svck), chủ yếu nhờ mảng xây lắp điện. Lợi nhuận gộp đạt 1.066 tỷ đồng (+77% svck). Doanh thu tài chính tăng mạnh lên 94 tỷ đồng (+521% svck), chủ yếu do ghi nhận khoản thoái vốn khỏi công ty con là CTCP Thương mại Đầu tư Tiến Bộ trong khi chi phí tài chính giảm về 178 tỷ đồng (-27,7% svck) do hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá. LNST cổ đông công ty mẹ đạt 552 tỷ đồng (+706,3% svck).
- KQKD năm 2025 lên cao nhất 10 năm với DTT đạt 13.085 tỷ đồng (+29,7% svck), lợi nhuận gộp đạt 2.716 tỷ đồng (+29,8% svck), biên lợi nhuận gộp đi ngang svck khi đạt 20,8% (+0,1 điểm % svck). Doanh thu tài chính tăng mạnh lên 247 tỷ đồng (+79,2% svck), chủ yếu do lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá tăng và ghi nhận thoái vốn công ty con trong Q4/2025. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm về 815 tỷ đồng (-7,5% svck) do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm mạnh & chi phí lãi vay giảm nhẹ svck. **Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 1.050 tỷ đồng (+124,6% svck)**, hoàn thành 163,2% kế hoạch LNST năm 2025.
- KQKD tích cực trong năm 2025 chủ yếu nhờ mảng xây lắp điện bứt phá và ghi nhận chuyển nhượng BĐS. Cụ thể:
 - Mảng xây lắp điện – mảng chủ chốt - bứt phá với nhiều công trình trọng điểm được hoàn thành:** Cả năm 2025, DTT đạt 6.699 tỷ đồng (+81,7% svck, chiếm 51,2% cơ cấu DTT), với ~40% DTT được ghi nhận trong Q4/2025. Lợi nhuận gộp đạt 766 tỷ đồng (+196,6% svck, chiếm 28,2% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 11,4% (+4,4 điểm % svck). Mảng xây lắp tích cực do bàn giao nhiều dự án xây lắp quy mô lớn như Dự án Cấp ngầm Côn Đảo, Dự án 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên...Giá trị ký mới trong năm đạt khoảng 8.600 tỷ đồng và giá trị backlog còn lại là 8.250 tỷ đồng (+20% svck).
 - Mảng BĐS dân cư đột biến nhờ Dự án Tháp Vàng:** Q4/2025, mảng BĐS chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng nhờ bàn giao một nửa sản phẩm dự án Tháp Vàng với DTT đạt 779 tỷ đồng (+5,9 lần svck), lợi nhuận gộp đạt 142 tỷ đồng (+21 lần svck). Cả năm 2025, DTT mảng này đạt 791 tỷ đồng (+19,2 lần svck), lợi nhuận gộp tăng mạnh lên 149 tỷ đồng (+612% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 18,8%. Tuy nhiên, mảng BĐS dân cư chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, khoảng 6% cơ cấu DTT & 5,5% cơ cấu lợi nhuận gộp của PC1.

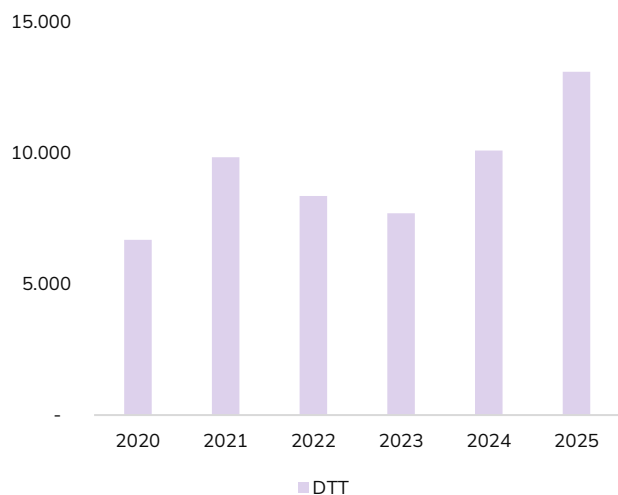
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & 2025

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	2.551	5.012	96,5%	10.089	13.085	29,7%
Lợi nhuận gộp	602	1.066	77,0%	2.092	2.716	29,8%
Biên LN gộp	23,6%	21,3%		20,7%	20,8%	
Chi phí BH & QLDN	(210)	(266)	26,7%	(566)	(652)	15,1%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	8,2%	5,3%		5,6%	5,0%	
Doanh thu tài chính	15	94	521,2%	138	247	79,2%
Chi phí tài chính	(246)	(178)	-27,7%	(882)	(815)	-7,5%
Chi phí lãi vay	(134)	(172)	28,4%	(701)	(682)	-2,8%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	156	733	370,2%	828	1.551	87,2%
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	(5)	18	N/A	46	55	20,2%
Lãi/lỗ khác	15	20	30,0%	11	13	25,5%
Lợi nhuận trước thuế	171	753	339,6%	839	1.565	86,5%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	68	552	706,3%	468	1.050	124,6%
Biên LN ròng	2,7%	11,0%		4,6%	8,0%	

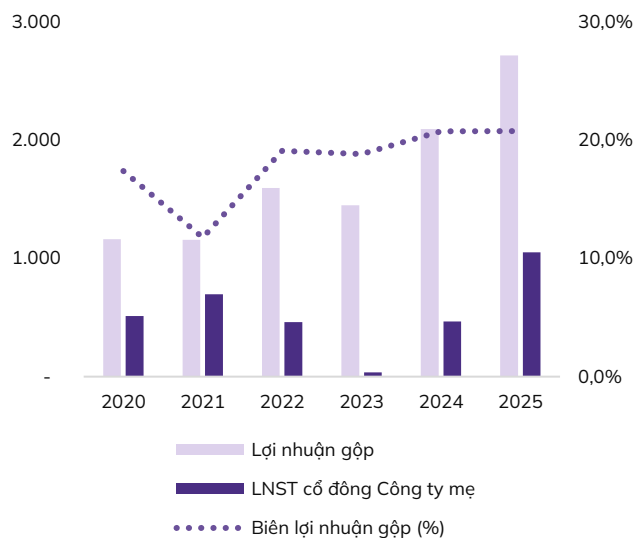
Nguồn: FiinPro, ABS Research

- ✓ **Mảng năng lượng tiếp tục duy trì hiệu suất cao & ổn định khi đóng góp lớn nhất vào cơ cấu lợi nhuận gộp của PC1.** Cả năm 2025, DTT đạt 1.802 tỷ đồng (+5,6% svck, chiếm 13,8% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 1.046 tỷ đồng (+10,6% svck, chiếm 38,5% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 58,1% (+2,6 điểm % svck). Mảng điện gió ổn định trong khi điều kiện thủy văn thuận lợi giúp mảng năng lượng của PC1 duy trì hiệu suất cao.
- ✓ **Mảng khoáng sản sụt giảm svck do giá bán nickel giảm.** Cả năm 2025, DTT đạt 1.140 tỷ đồng (-33,4% svck, chiếm 8,7% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 441 tỷ đồng (-21,8% svck, chiếm 16,3% cơ cấu lợi nhuận gộp), biên lợi nhuận gộp vẫn tăng lên 38,7% (+5,7 điểm % svck). Mảng khoáng sản của PC1 ghi nhận kết quả suy giảm trong năm 2025 chủ yếu do giá nickel thế giới giảm khi nguồn cung từ Indonesia tăng mạnh & nhu cầu từ ngành pin xe điện tăng chậm do công nghệ pin xe điện đã thay đổi vật liệu sản xuất nên pin LPF ngày càng phổ biến hơn. Theo dữ liệu từ LME, giá nickel trung bình năm 2025 đạt khoảng 15.432 USD/tấn, giảm khoảng 8% svck, qua đó gây áp lực lên doanh thu và lợi nhuận của mảng khai thác nickel. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp vẫn cải thiện svck do tối ưu chi phí khai thác và chế biến quặng. Dù kết quả suy giảm nhưng mảng khoáng sản vẫn là mảng tạo lợi nhuận quan trọng và ổn định của PC1.
- ✓ **Mảng sản xuất công nghiệp cải thiện lãi gộp:** DTT năm 2025 đạt 1.469 tỷ đồng (+0,8% svck, chiếm 11,2% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 181 tỷ đồng (+26,2% svck, chiếm 6,7% cơ cấu), biên lợi nhuận gộp đạt 12,3% (+2,5 điểm % svck). Mảng này duy trì tăng trưởng ổn định trong năm 2025 do: i) Nhu cầu đối với các sản phẩm kết cấu thép, cột điện, thiết bị phục vụ ngành điện duy trì ổn định; ii) Tối ưu chi phí sản xuất & giá nguyên vật liệu (đặc biệt là thép) ổn định hơn so với giai đoạn biến động trước đó, giúp cải thiện biên lợi nhuận. Ngoài ra, PC1 còn hoàn thành đơn hàng xuất khẩu cột viễn thông, đạt tiêu chuẩn cao của thị trường phát triển, sang thị trường Úc & hoàn thành 03 dự án xuất khẩu cột điện và thiết bị truyền tải, quy mô hàng nghìn tấn kết cấu thép, sang thị trường Lào.
- ✓ **Mảng BĐS KCN ổn định:** ghi nhận DTT năm 2025 đạt 642 tỷ đồng (+7,2% svck, chiếm 4,9% cơ cấu DTT), lợi nhuận gộp đạt 117 tỷ đồng (-21,5% svck, chiếm 4,3% cơ cấu), biên lợi nhuận gộp sụt giảm về 18,2% (-6,6 điểm % svck). Chúng tôi cho rằng mảng BĐS KCN năm 2025 có doanh thu ổn định nhưng lợi nhuận sụt giảm có thể do PC1 đang trong giai đoạn đầu tư, mở rộng mảng này khiến chi phí phát triển hạ tầng & giải phóng mặt bằng tăng.

Quy mô DTT của PC1 2020-2025 (tỷ đồng)

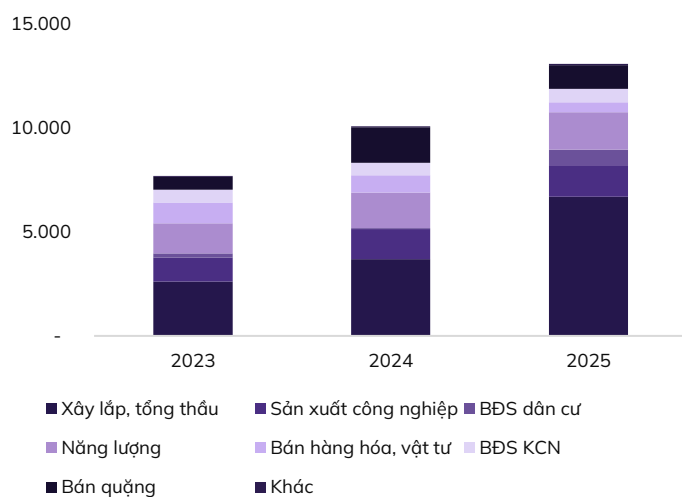


Quy mô lợi nhuận của PC1 2020-2025 (tỷ đồng)

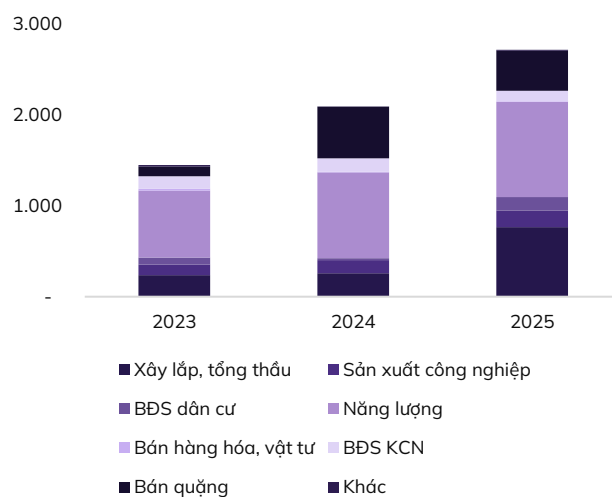


Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cơ cấu DTT của PC1 (tỷ đồng)

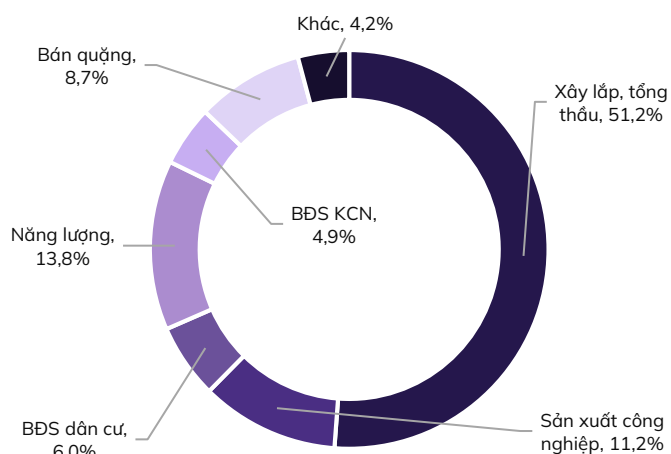


Cơ cấu lợi nhuận gộp của PC1 (tỷ đồng)

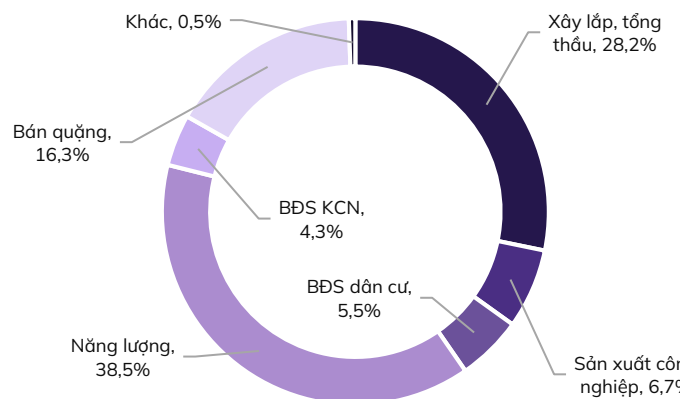


Nguồn: PC1, ABS Research

Cơ cấu DTT năm 2025 của PC1 (%)



Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2025 của PC1 (%)

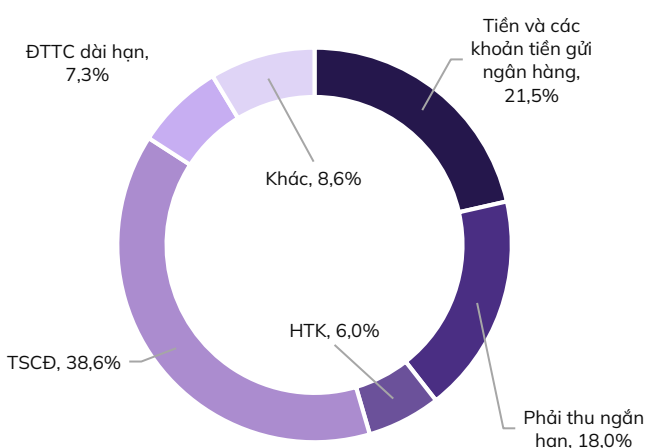


Nguồn: FiinPro, ABS Research

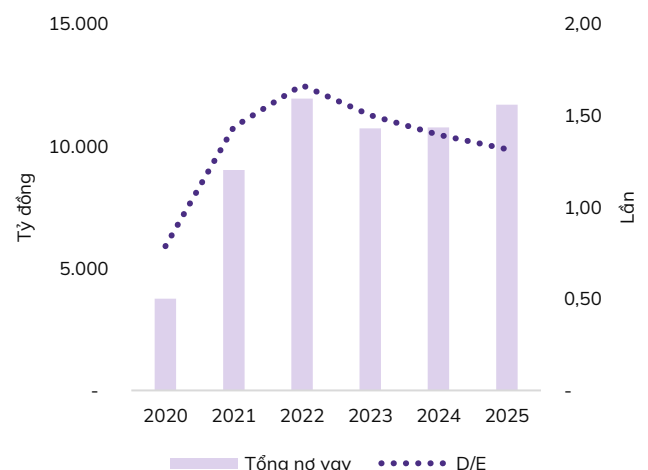
- **Tình hình tài chính vẫn ổn định với lượng tiền tăng mạnh, tuy nhiên đòn bẩy tài chính vẫn ở mức cao:**

- ✓ **Lượng tiền tăng mạnh so với cuối năm 2024.** Tại 31/12/2025, PC1 có 5.271 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+60% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 21,5% cơ cấu TTS. Theo chúng tôi, mức tăng này chủ yếu đến từ KQKD khả quan trong năm 2025 của PC1, giúp dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cải thiện, đặc biệt nhờ dòng tiền ổn định từ các nhà máy thủy điện và mảng xây lắp điện. Bên cạnh đó, nợ vay ngắn hạn tăng cũng góp phần làm quy mô tiền mặt gia tăng, do Công ty thu xếp nguồn vốn ngắn hạn để phục vụ nhu cầu vốn lưu động và chuẩn bị cho các kế hoạch đầu tư, trong khi một phần vốn chưa được giải ngân ngay nên được tạm thời duy trì dưới dạng tiền và tiền gửi ngân hàng.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh so với cuối năm 2024.** Tại thời điểm 31/12/2025, PC1 có 4.419 tỷ đồng phải thu ngắn hạn (+42% so với cuối năm 2024 và chiếm 18% cơ cấu TTS), trong khi đó, PC1 trích lập dự phòng khá thấp, khoảng 165,6 tỷ đồng. Điều này có thể tiềm ẩn rủi ro cho cơ cấu tài sản nếu khách hàng gặp khó khăn trong việc thanh toán.
- ✓ PC1 có 1.482 tỷ đồng hàng tồn kho (-6,6% so với cuối năm 2024, chiếm 6% cơ cấu TTS), trong đó chủ yếu là chi phí SXKD dở dang trị giá 979 tỷ đồng (tập trung chủ yếu ở lĩnh vực xây lắp điện với 436 tỷ đồng & lĩnh vực kinh doanh BĐS trị giá 456,7 tỷ đồng).
- ✓ PC1 có 1.781 tỷ đồng đầu tư tài chính dài hạn (+4,2% so với cuối năm 2024, chiếm 7,3% cơ cấu TTS), đây chủ yếu là các khoản góp vốn liên doanh liên kết, trong đó có khoản góp vốn vào Western Pacific (1.362 tỷ đồng) – một Công ty chuyên về các dự án BĐS KCN.
- ✓ **Xây dựng cơ bản dở dang tăng mạnh.** Tại thời điểm cuối năm 2025, khoản này tăng mạnh lên 1.149 tỷ đồng (+5,8 lần so với cuối năm 2024). Trong đó, chủ yếu tập trung ở Dự án thủy điện Bảo Lạc A (500,8 tỷ đồng), Dự án thủy điện Thượng Hà (317,4 tỷ đồng) & Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép Quốc tế (255,2 tỷ đồng). Điều này cho thấy tiến độ các dự án đang được đảm bảo. Các dự án này dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính cao:** Tại thời điểm 31/12/2025, PC1 có 11.706 tỷ đồng nợ vay ngắn và dài hạn (+8,6% so với đầu năm), trong đó nợ vay ngắn hạn là 4.257 tỷ đồng (+44,3% so với đầu năm) & dài hạn là 7.448 tỷ đồng (-4,9% so với đầu năm). Đáng chú ý, PC1 có 1.193 tỷ đồng nợ vay trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2027 & 25,1% nợ vay là bằng USD. Hệ số Nợ vay/Vốn CSH (D/E) từ năm 2021 trở lại đây đều duy trì ở mức cao (trên 1,3 lần). Tại 31/12/2025, D/E của PC1 là 1,32 lần (giảm so với mức 1,4 lần của năm 2024). Thời gian qua, PC1 tăng nợ vay trong bối cảnh Công ty mở rộng HĐKD sang lĩnh vực BĐS KCN và khoáng sản. Nhu cầu vốn trong thời gian tới có thể sẽ tiếp tục tăng lên nếu PC1 tiếp tục mở rộng lĩnh vực BĐS KCN ở mức sâu rộng hơn. Việc nợ vay duy trì cao sẽ làm cho chi phí lãi vay tăng cao, từ đó bào mòn lợi nhuận của DN. Ngoài ra, PC1 còn phải chịu rủi ro biến động tỷ giá do có nợ vay ngoại tệ.

Cơ cấu TTS của PC1 tại 31/12/2025 (%)



Quy mô nợ vay và hệ số D/E của PC1



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng của PC1 khả quan dựa trên các yếu tố sau:**

- ✓ **Mảng năng lượng – mảng chủ đạo trong cơ cấu lợi nhuận của PC1 – dự báo triển vọng tiếp tục khả quan nhờ:**

- i) Điều kiện thủy văn thuận lợi hỗ trợ mảng thủy điện. Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trạng thái ENSO trung tính trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2026 có xác suất khoảng 75-85%. Từ nửa cuối năm, khả năng xuất hiện El Nino bắt đầu gia tăng, với xác suất khoảng 55-65% nhưng nhiều khả năng đây chỉ là El Nino yếu đến trung bình. Do đó, chúng tôi cho rằng điều kiện thủy văn sẽ tiếp tục giúp các nhà máy thủy điện ổn định sản lượng trong năm 2026;
- ii) Các dự án thủy điện trọng điểm đang được đẩy nhanh tiến độ để đưa vào vận hành trong năm 2026. Dự án thủy điện Bảo Bảo Lạc A (30 MW) dự kiến vận hành T6-T8/2026 & Thượng Hà (13 MW) dự kiến vận hành T11-T12/2026. Các dự án này khi đi vào vận hành sẽ giúp PC1 tăng thêm 25,4% công suất thủy điện so với hiện tại;
- iii) Mảng Điện gió dự báo sẽ tiếp tục đóng góp ổn định trong năm 2026. Về dài hạn, điện gió cũng như điện NLTT đang được ưu tiên phát triển (theo QH điện VIII điều chỉnh).
- iv) Tình hình chiến sự tại Trung Đông giữa Mỹ - Iran đã đẩy giá dầu tăng cao và đứt gãy chuỗi cung ứng dầu khí khi eo biển Homuz bị đóng cửa. Nếu chiến sự kéo dài, thị trường xăng dầu Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng sâu rộng, từ đó ảnh hưởng tới khả năng cung ứng khí cho các nhà máy điện khí (xét trên bình diện nguồn cung và giá cả đầu vào bị đẩy lên cao). Bên cạnh đó, giá các mặt hàng năng lượng khác như than cũng tăng theo khi thị trường năng lượng toàn cầu biến động. Do đó, với lợi thế không phụ thuộc giá nhiên liệu đầu vào, và chi phí sản xuất thấp, thủy điện & điện NLTT sẽ được tăng cường huy động, thúc đẩy sản lượng tiêu thụ của thủy điện và điện NLTT.

- ✓ **Mảng tổng thầu xây lắp & mảng sản xuất công nghiệp (mảng đóng góp phần lớn cơ cấu doanh thu) kỳ vọng tiếp tục tích cực nhờ khối lượng backlog lớn** (giá trị backlog cuối năm 2025 còn lại là 8.250 tỷ đồng) khi:

- i) Nhu cầu xây lắp các dự án truyền tải thời gian tới là cấp bách (theo QH điện VIII điều chỉnh). Theo QH điện VIII điều chỉnh, tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2031-2050 tăng lên 699,1 tỷ USD (+75% so với ban đầu), trong đó đầu tư cho lưới điện là 43,8 tỷ USD (+26% so với ban đầu). Hạ tầng lưới điện ưu tiên truyền tải 500 kV. Trong bối cảnh nhu cầu điện của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhanh và nhiều nguồn điện mới (đặc biệt là NLTT và LNG) cần được giải tỏa công suất, việc mở rộng hệ thống truyền tải 220–500 kV trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Do đó, khối lượng đầu tư lưới điện trong những năm tới dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, kéo theo nhu cầu lớn đối với các doanh nghiệp xây lắp điện tham gia thi công các dự án đường dây và trạm biến áp. Bên cạnh đó, sau một giai đoạn trì hoãn, nhiều dự án bị chậm tiến độ do các vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và khó khăn tài chính của ngành điện, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) đã tăng tốc triển khai hàng loạt dự án đường dây và trạm biến áp trọng điểm nhằm bắt kịp tiến độ của Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Trong năm 2025, đơn vị này đã hoàn thành 260 công trình lưới điện 110–500 kV, tăng mạnh so với 61 công trình cùng kỳ, cho thấy tốc độ triển khai các dự án truyền tải đã được đẩy nhanh đáng kể;
- ii) Mảng điện NLTT đang dần hoàn thiện khung pháp lý, dự kiến các dự án điện NLTT sẽ sớm được triển khai, thúc đẩy mảng xây lắp điện;
- iii) Mảng điện khí, đặc biệt là điện khí LNG cũng được đề cao vai trò và là trọng tâm hướng tới chuyển đổi xanh, từ đó thúc đẩy các dự án điện khí, cơ sở kho cảng....Đối với mảng sản xuất công nghiệp, PC1 đã đầu tư thêm 1 nhà máy mới 10 ha tại Thái Nguyên, nâng công suất thêm 40.000 tấn/năm, dự kiến bắt đầu sản xuất từ tháng 7/2026.

- ✓ **Mảng BĐS KCN dự báo tiềm năng, tập trung các dự án trọng điểm tại Hải Phòng.** Dự án NHIZ I (Nomura Hải Phòng – GĐ 1, diện tích: 153 ha) dự kiến vẫn tạo nguồn thu ổn định cho PC1 khi tỷ lệ lấp đầy gần như 100%. Trọng tâm thời gian tới là Dự án NHIZ II (Dự án Nomura Hải Phòng – GĐ 2, diện tích: 197 ha), dự án này đã được động thổ vào cuối năm 2025 và đẩy mạnh bán hàng trong năm 2026 (PC1 dự kiến khoảng 65% diện tích thương phẩm). Hải Phòng có thể coi là thị trường

công nghiệp năng động nhất Miền Bắc với nhiều lợi thế vượt trội như cảng biển nước sâu Lạch Huyện, mạng lưới cao tốc liên vùng, trung tâm sản xuất điện tử – ô tô – logistics – cơ khí trọng điểm. Do đó, chúng tôi kỳ vọng tiến độ bán hàng của dự án là khả quan. Chúng tôi cho rằng dự án này sẽ đem lại nguồn thu chính trong mảng BĐS KCN cho PC1 trong vài năm tới. Ngoài ra, Công ty liên kết Western Pacific (PC1 sở hữu 30%) cũng sở hữu 4 dự án khác bao gồm Dự án Yên Phong II-A- Bắc Ninh, Dự án KCN Yên Lư GD1 (Bắc Giang) và Đồng Văn V (Hà Nam), Dự án Yên Lệnh – Hà Nam... Đây đều là các dự án ở khu vực phía bắc, vị trí thuận lợi thu hút FDI, cũng đang trong giai đoạn hoàn thiện pháp lý, dự kiến sẽ đem lại nguồn thu trong vài năm tới.

- ✓ **Mảng BĐS dân cư cũng đang có những dấu hiệu khả quan** từ Dự án Tháp Vàng – Gia Lâm khi bắt đầu ghi nhận doanh thu lợi nhuận từ Q4/2025 và dự kiến sẽ ghi nhận nốt một nửa sản phẩm còn lại của dự án trong năm 2026. Chúng tôi ước tính dự án có thể ghi nhận ~700 tỷ đồng doanh thu và 133 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong năm 2026. Ngoài ra, các dự án PC1 Vĩnh Hưng, Định Công cũng đang xin chủ trương đầu tư, kỳ vọng hoàn tất pháp lý trong năm 2026 và ghi nhận doanh thu từ năm 2027.
- ✓ **Mảng khoáng sản sẽ tiếp tục đóng góp ổn định với biên lợi nhuận ở mức cao.** Năm 2026, PC1 dự kiến xuất khẩu 53,5 nghìn tấn. Chúng tôi cho rằng giá nickel năm 2026 có thể tăng nhẹ svck nhưng vẫn duy trì ở mức thấp do: i) Nguồn cung từ Indonesia (thị trường chiếm 60% nguồn cung Nickel toàn cầu) tăng khiến dư thừa nguồn cung nickel; ii) Nhu cầu nickel cho xe điện EV tăng chậm, 1 phần do sự phổ biến của pin LFP khi công nghệ sản xuất pin xe điện có sự thay đổi (đây là loại pin không sử dụng nguyên liệu nickel). Hiện giá nickel tinh luyện (LME) đang dao động quanh 17.351 USD/tấn. Chúng tôi ước tính mảng khoáng sản năm 2026 dự kiến có thể đem lại 1.300 tỷ đồng doanh thu (+14,1% svck) và 490 tỷ đồng lợi nhuận gộp (+11% svck).
- ✓ Chúng tôi tăng dự phóng LNST cổ đông công ty mẹ năm 2026 của PC1 do KQKD 2025 của PC1 tích cực hơn so với dự phóng trước đó của chúng tôi. ABS Research dự phóng LNST của cổ đông công ty mẹ 2026F của PC1 dự kiến đạt 1.117 tỷ đồng (+6,4% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 2.716 đ/cp & 18.510 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 9,80 và 1,44 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 14,8%.
- ✓ Chúng tôi nâng giá mục tiêu của PC1 lên 30.700 đ/cp theo phương pháp định giá P/E & P/B. Với tiềm năng tăng giá +15,0% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PC1.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PC1

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	7.694	10.089	13.085	14.139
Giá vốn hàng bán	-6.246	-7.997	-10.369	-11.224
Lợi nhuận gộp	1.448	2.092	2.716	2.915
Doanh thu tài chính	183	138	247	352
Chi phí tài chính	-967	-882	-815	-966
Chi phí bán hàng	-56	-79	-104	-70
Chi phí QLDN	-335	-488	-548	-533
Lợi nhuận từ HĐKD	274	828	1.551	1.753
Lãi/Lỗ khác	-18	11	13	5
Lợi nhuận trước thuế	256	839	1.565	1.758
Lợi nhuận sau thuế	182	710	1.365	1.406
LNST cổ đông Công ty mẹ	36	468	1.050	1.117

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	1.051	1.090	2.338	1.766
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-72	-646	-1.539	-920
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.492	-268	729	-380
LCT thuần trong kỳ	-513	175	1.528	465
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	2.581	2.082	2.277	3.811
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	2.082	2.277	3.811	4.277

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,40	1,59	1,46	1,70
Khả năng thanh toán nhanh	1,18	1,26	1,25	1,45
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,60	0,65	0,68	0,81
Khả năng thanh toán lãi vay	1,30	2,20	3,29	3,22

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,35	0,37	0,36	0,40
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,65	0,63	0,64	0,60
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,50	1,40	1,32	1,11

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	98,0	70,4	70,3	77,1
Số ngày phải trả	68,2	49,5	51,5	50,0
Số ngày tồn kho	54,0	58,1	54,0	51,3

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18,8%	20,7%	20,8%	20,6%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	13,0%	14,2%	16,0%	17,0%
Tỷ suất LNST của CĐ Công ty mẹ	2,4%	7,0%	10,4%	9,9%
ROE	2,5%	9,6%	16,4%	14,8%
ROA	0,9%	3,4%	6,0%	5,6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.082	2.277	3.811	4.277
+ Đầu tư ngắn hạn	781	1.017	1.459	1.459
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.771	3.112	4.419	4.477
+ Hàng tồn kho	958	1.588	1.482	1.673
+ Tài sản ngắn hạn khác	92	92	134	128
Tài sản ngắn hạn	6.684	8.086	11.306	12.015
+ Các khoản phải thu dài hạn	15	33	16	17
+ Tài sản cố định	10.880	10.147	9.489	9.656
+ Bất động sản đầu tư	146	112	94	76
+ Tài sản dở dang dài hạn	113	373	1.352	1.149
+ Đầu tư dài hạn	1.607	1.709	1.781	1.851
+ Tài sản dài hạn khác	732	528	526	480
Tài sản dài hạn	13.492	12.902	13.258	13.230
Tổng Tài sản	20.175	20.988	24.564	25.245
+ Vay ngắn hạn	2.838	2.950	4.257	4.157
+ Nợ ngắn hạn khác	1.939	2.128	3.501	2.909
Nợ ngắn hạn	4.778	5.078	7.758	7.067
+ Vay dài hạn	7.902	7.831	7.448	7.168
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	348	363	469	851
Nợ dài hạn	8.250	8.193	7.918	8.018
Tổng nợ phải trả	13.028	13.272	15.676	15.085
+ Vốn cổ phần	3.110	3.576	4.113	4.113
+ Thặng dư vốn cổ phần	711	711	175	175
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	853	826	1.787	2.848
+ Quỹ khác	2.474	2.602	2.814	3.024
Vốn chủ sở hữu	7.148	7.716	8.889	10.160
Tổng cộng nguồn vốn	20.175	20.988	24.564	25.245

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-7,9%	31,1%	29,7%	8,1%
Tăng trưởng LNNT	-8,8%	39,5%	45,8%	13,5%
Tăng trưởng LNST	-66,2%	290,9%	92,2%	3,1%
Tăng trưởng VCSH	-0,4%	8,0%	15,2%	14,3%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-7,3%	4,0%	17,0%	2,8%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	356,6	14,7	10,0	9,8
P/B	1,2	1,1	1,4	1,44
EPS	53	1.177	2.248	2.716
BVPS	16.330	15.452	15.852	18.510

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỎI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây